



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định Thành lập số** 2319/QĐ-BCT

ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0600019436

ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 21 tháng 4 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Văn Tân  
Ông Vũ Ngọc Tuấn  
Ông Phạm Xuân Trinh  
Ông Nguyễn Văn Miêng  
Ông Nguyễn Xuân Vũ  
Ông Nguyễn Mạnh Hùng  
Bà Nguyễn Thị Khánh

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Vũ Ngọc Tuấn  
Ông Nguyễn Xuân Vũ  
Ông Nguyễn Mạnh Hùng  
Bà Nguyễn Thị Khánh  
Ông Nguyễn Xuân Bình  
Bà Bùi Minh Hạnh  
Ông Phạm Ngọc Kỳ  
Ông Vũ Ngọc Tú

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc Điều hành  
Giám đốc Điều hành  
Giám đốc Vận hành (từ ngày 1/7/2025)

**Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Thu Hằng  
Ông Đoàn Văn Dũng  
Bà Phạm Thị Vân Hà

Trưởng Ban Kiểm soát  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

43 Tô Hiệu, Phường Nam Định  
Tỉnh Ninh Bình  
Việt Nam  
(Địa chỉ trước khi thay đổi địa giới hành chính:  
43 Tô Hiệu, Phường Năng Tĩnh, Thành phố Nam Định  
Tỉnh Nam Định, Việt Nam)

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Các điều kiện và sự kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty được thuyết minh đầy đủ trong báo cáo tài chính riêng.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Vũ Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Ninh Bình, 30 -03- 2026



Công ty TNHH KPMG  
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,  
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 30-03-2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00256-26-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 30-03-2026

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2023-007-1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>397.510.162.577</b>	<b>331.627.772.297</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>16.760.873.943</b>	<b>24.147.782.192</b>
Tiền	111	4	16.760.873.943	24.147.782.192
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20.985.728.457</b>	<b>24.012.000.438</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	20.985.728.457	24.012.000.438
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>187.306.833.873</b>	<b>172.853.289.394</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	185.031.510.220	165.160.284.196
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.782.435.604	2.558.481.054
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		200.000.000	200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	5.030.726.311	11.441.581.678
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(6.737.838.262)	(6.507.057.534)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>168.965.387.831</b>	<b>108.597.745.811</b>
Hàng tồn kho	141		169.150.483.056	116.199.168.310
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(185.095.225)	(7.601.422.499)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.491.338.473</b>	<b>2.016.954.462</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	3.090.092.138	1.386.164.779
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		338.979.055	558.522.166
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	62.267.280	72.267.517

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>494.371.643.910</b>	<b>538.630.799.025</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.943.441.949</b>	<b>4.257.082.133</b>
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	7.143.441.949	7.457.082.133
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	8	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>387.425.462.856</b>	<b>439.104.587.016</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	372.680.461.204	422.746.574.499
Nguyên giá	222		954.918.896.082	964.988.979.902
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(582.238.434.878)	(542.242.405.403)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	14.011.107.145	15.475.363.622
Nguyên giá	225		19.785.906.253	19.785.906.253
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.774.799.108)	(4.310.542.631)
Tài sản cố định vô hình	227		733.894.507	882.648.895
Nguyên giá	228		1.517.544.000	1.517.544.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(783.649.493)	(634.895.105)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>3.643.397.561</b>	<b>4.054.402.410</b>
Nguyên giá	231		12.378.939.809	12.378.939.809
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8.735.542.248)	(8.324.537.399)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>19.549.900.011</b>	<b>18.166.093.664</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	19.549.900.011	18.166.093.664
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>66.711.031.520</b>	<b>64.494.416.520</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	21.508.979.633	21.508.979.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	43.806.170.000	38.741.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	1.395.881.887	2.744.436.887
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	-	1.500.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.098.410.013</b>	<b>8.554.217.282</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	13.098.410.013	8.554.217.282
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>891.881.806.487</b>	<b>870.258.571.322</b>


*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>842.268.441.840</b>	<b>820.891.433.844</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>620.050.978.635</b>	<b>559.930.952.051</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	182.629.210.992	49.466.894.908
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		885.381.098	2.906.574.387
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	77.168.484	19.952.486
Phải trả người lao động	314		5.589.417.309	4.825.614.050
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.232.703.421	3.466.956.648
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		822.597.200	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.165.092.948	7.505.593.285
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19(a)	421.647.997.183	491.739.366.287
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.410.000	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>222.217.463.205</b>	<b>260.960.481.793</b>
Phải trả dài hạn khác	337		119.423.822	119.423.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19(b)	222.098.039.383	260.841.057.971
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>49.613.364.647</b>	<b>49.367.137.478</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>49.613.364.647</b>	<b>49.367.137.478</b>
Vốn cổ phần	411	21	156.399.760.000	156.399.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		156.399.760.000	156.399.760.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	92.139.112.037	92.139.112.037
Lỗi lũy kế	421		(198.925.507.390)	(199.171.734.559)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(199.171.734.559)	(119.200.284.525)
- Lợi nhuận sau thuế/(lỗ) năm nay	421b		246.227.169	(79.971.450.034)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>891.881.806.487</b>	<b>870.258.571.322</b>


Người lập:

  
 Nguyễn Thị Kim Oanh  
 Phó phòng Tài chính Kế toán

30 -03- 2026

Người duyệt:

  
 Đinh Thị Thu Hương  
 Kế toán trưởng

  
 Vũ Ngọc Tuấn  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*


	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.000.869.432.552	1.229.737.300.627
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	942.647.039.734	1.229.167.001.696
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>58.222.392.818</b>	<b>570.298.931</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	31.312.049.957	31.830.717.797
Chi phí tài chính	22	27	58.508.218.429	79.115.631.373
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		43.183.734.889	57.155.805.726
Chi phí bán hàng	25	28	9.828.983.401	14.155.474.434
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	22.064.895.416	24.984.457.882
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(867.654.471)</b>	<b>(85.854.546.961)</b>
Thu nhập khác	31	30	1.259.970.917	6.185.240.286
Chi phí khác	32		146.089.277	302.143.359
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.113.881.640</b>	<b>5.883.096.927</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>246.227.169</b>	<b>(79.971.450.034)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>246.227.169</b>	<b>(79.971.450.034)</b>


**30 -03- 2026**

Người lập:

  
 Nguyễn Thị Kim Oanh  
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:

  
 Đinh Thị Thu Hường  
 Kế toán trưởng

  
 Vũ Ngọc Tuấn  
 Tổng Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>246.227.169</b>	<b>(79.971.450.034)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		52.117.922.460	55.177.576.799
Các khoản dự phòng	03		(7.185.546.546)	(8.322.868.127)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		9.816.579.982	12.261.541.190
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(18.083.254.103)	(16.698.112.848)
Chi phí lãi vay	06		43.183.734.889	57.155.805.726
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>80.095.663.851</b>	<b>19.602.492.706</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(17.447.917.759)	(3.621.041.194)
Biến động hàng tồn kho	10		(52.951.314.746)	126.169.927.998
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		134.604.911.753	(30.112.354.308)
Biến động chi phí trả trước	12		(3.625.359.626)	(976.336.215)
			<b>140.675.983.473</b>	<b>111.062.688.987</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(47.166.314.090)	(56.085.391.468)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(939.209.698)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>93.509.669.383</b>	<b>54.038.087.821</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.013.781.958)	(9.395.915.270)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		523.978.468	19.558.558.108
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.973.728.019)	(1.700.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		7.500.000.000	1.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(5.065.170.000)	(8.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		6.454.512.077	10.279.490.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		15.340.485.037	1.392.095.963
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>17.766.295.605</b>	<b>13.634.228.801</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		866.371.428.970	987.761.518.359
Tiền trả nợ gốc vay	34		(981.347.992.506)	(1.029.894.744.995)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3.681.948.201)	(4.186.831.887)
Tiền trả cổ tức	36		(6.000.000)	(12.485.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(118.664.511.737)</b>	<b>(46.332.543.523)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(7.388.546.749)</b>	<b>21.339.773.099</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>24.147.782.192</b>	<b>2.791.705.965</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>1.638.500</b>	<b>16.303.128</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>16.760.873.943</b>	<b>24.147.782.192</b>

**30 -03- 2026**

Người lập:

  
 Nguyễn Thị Kim Oanh  
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:

  
 Đinh Thị Thu Hương  
 Kế toán trưởng

  
 Vũ Ngọc Tuấn  
 Tổng Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; và
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có 4 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2025: 4 công ty con và 3 công ty liên kết), được liệt kê tại Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có 576 nhân viên (1/1/2025: 569 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 222.541 triệu VND (1/1/2025: 228.303 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 19(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc công ty mẹ của Tổng Công ty tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng công ty mẹ sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

##### **(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 63 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 30 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 15 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
-----------	------------

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định pháp luật hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu, giảm giá hàng bán.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vi) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty, công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của Công ty mẹ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

**4. Tiền**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	1.126.558.377	1.055.917.811
Tiền gửi ngân hàng	15.634.315.566	23.091.864.381
	16.760.873.943	24.147.782.192

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025		1/1/2025
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn			
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	20.985.728.457	(*)	24.012.000.438
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn			
Trái phiếu	-		1.500.000.000
			(*)

(i) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng, hưởng lãi suất dao động từ 4,2% đến 5,2%/năm (1/1/2025: từ 4,2% đến 7%/năm).

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2025				1/1/2025			
	Số lượng	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty con</b>								
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	283.620	52,52%	2.876.479.633	(*)	283.620	52,52%	2.876.479.633	(*)
• Công ty TNHH MTV Chân len Dệt May Nam Định	500.000	100,00%	5.000.000.000	(*)	500.000	100,00%	5.000.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	563.250	62,58%	5.632.500.000	(*)	563.250	62,58%	5.632.500.000	(*)
• Công ty TNHH MTV May 2 – Dệt May Nam Định	800.000	100,00%	8.000.000.000	(*)	800.000	100,00%	8.000.000.000	(*)
			21.508.979.633				21.508.979.633	
<b>Công liên kết</b>								
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	2.532.584	36,92%	28.065.170.000	(*)	2.532.584	36,92%	23.000.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định	1.379.100	45,97%	13.791.000.000	(*)	1.379.100	45,97%	13.791.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	195.000	26,00%	1.950.000.000	(*)	195.000	26,00%	1.950.000.000	(*)
			43.806.170.000				38.741.000.000	
<b>Đơn vị khác</b>								
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	0%	-		107.079	0,002%	1.348.555.000	4.047.586.200
• Công ty Cổ phần May 1 Dệt May Nam Định	75.000	10,00%	845.881.887	(*)	75.000	10,00%	845.881.887	(*)
• Công ty Cổ phần May 5 Dệt May Nam Định	55.000	10,00%	550.000.000	(*)	55.000	10,00%	550.000.000	(*)
			1.395.881.887				2.744.436.887	

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	4.566.603.915	4.545.766.810
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	-	158.910.117
Công ty TNHH MTV May 2 – Dệt May Nam Định	17.708.944.949	12.981.063.036
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định	59.052.351.403	65.349.099.041
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	110.402.711	103.588.738
<b>Bên khác</b>		
Công ty TNHH Dệt May Huy Gia Bảo	17.497.188.099	4.503.839.299
Công ty TNHH Dệt May Phú Cường	15.634.119.331	4.817.902.456
OW Textiles Co., Ltd.	12.080.379.571	-
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	14.220.742.775
Công ty TNHH Dệt May Châu Giang	657.464.339	4.815.546.077
Các khách hàng khác	57.724.055.902	53.663.825.847
	<b>185.031.510.220</b>	<b>165.160.284.196</b>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và công ty liên kết không có tài sản đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm trả với lãi suất là 7,91%/năm (1/1/2025: 6,9%/năm) khi quá hạn.

**7. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải thu các công ty con và công ty liên kết	3.287.650.000	5.415.168.000
Phải thu về tiền đất cho thuê	1.318.131.199	2.062.927.258
Phải thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	272.038.112	419.271.573
Ký cược, ký quỹ	152.907.000	152.907.000
Phải thu công ty con về tiền trả hộ lương nhân viên	-	3.325.919.106
Phải thu khác	-	65.388.741
	<b>5.030.726.311</b>	<b>11.441.581.678</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	17.280.000	-
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Chấn lên Dệt May Nam Định	800.000.000	769.046.984
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	1.890.458.299	1.422.736.511
Công ty TNHH MTV May 2 – Dệt May Nam Định	300.599.488	3.496.772.442
Công ty CP Dịch vụ Thương Mại – Dệt Nam Định	283.620.000	-
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định	1.103.280.000	-
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	103.382.546	50.290.427
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	-	5.065.168.000
	<b>4.498.620.333</b>	<b>10.804.014.364</b>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
Ký quỹ, ký cược	3.278.379.000	3.278.379.000
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (*)	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	665.062.949	978.703.133
	<b>7.143.441.949</b>	<b>7.457.082.133</b>

(\*) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích dự phòng (Thuyết minh 8).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2025				1/1/2025			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thành Vin	Trên 6 năm	4.924.999.999	(4.924.999.999)	-	Trên 5 năm	4.924.999.999	(4.924.999.999)	-
Công ty Cổ phần Kinh Bắc	Trên 7 năm	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-	Trên 6 năm	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-
Thành Nam	Từ 2 - 3 năm	82.706.360	(57.894.452)	24.811.908	Từ 2 - 3 năm	539.789.728	(377.852.810)	161.936.918
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	1.754.943.811	(1.754.943.811)	-	Trên 3 năm	1.204.204.725	(1.204.204.725)	-
		9.962.650.170	(9.937.838.262)	24.811.908		9.868.994.452	(9.707.057.534)	161.936.918
Trong đó:								
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			(6.737.838.262)				(6.507.057.534)	
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			(3.200.000.000)				(3.200.000.000)	
			(9.937.838.262)				(9.707.057.534)	

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2025</b>		<b>1/1/2025</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	25.025.160.459	(3.106.905.342)
Nguyên vật liệu	75.940.660.347	-	36.201.943.941	(4.494.517.157)
Công cụ và dụng cụ	27.212.281	-	30.671.639	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.830.988.231	-	4.926.197.225	-
Thành phẩm	66.703.354.780	(185.095.225)	25.821.552.656	-
Hàng hóa	13.742.190.233	-	16.898.100.247	-
Hàng gửi bán	5.906.077.184	-	7.295.542.143	-
	169.150.483.056	(185.095.225)	116.199.168.310	(7.601.422.499)

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	299.441.798.482	622.706.079.737	40.280.556.119	2.560.545.564	964.988.979.902
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.924.451.100	-	-	1.924.451.100
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.521.000.000)	-	-	(1.521.000.000)
Thanh lý	(45.363.401)	(7.951.239.428)	(2.476.932.091)	-	(10.473.534.920)
Số dư cuối năm	299.396.435.081	615.158.291.409	37.803.624.028	2.560.545.564	954.918.896.082
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	136.797.370.413	374.060.683.826	29.247.677.472	2.136.673.692	542.242.405.403
Khấu hao trong năm	11.815.579.649	34.806.704.660	3.272.488.533	199.133.904	50.093.906.746
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(189.457.893)	-	-	(189.457.893)
Thanh lý	(45.363.401)	(7.951.239.428)	(1.911.816.549)	-	(9.908.419.378)
Số dư cuối năm	148.567.586.661	398.814.874.616	32.520.166.005	2.335.807.596	582.238.434.878
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	162.644.428.069	248.645.395.911	11.032.878.647	423.871.872	422.746.574.499
Số dư cuối năm	150.828.848.420	216.343.416.793	5.283.458.023	224.737.968	372.680.461.204

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 178.205 triệu VND (1/1/2025: 167.289 triệu VND) đã khấu hao hết và đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 343.453 triệu VND (1/1/2025: 383.873 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 19).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	19.785.906.253
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	4.310.542.631
Khấu hao trong năm	1.464.256.477
Số dư cuối năm	5.774.799.108
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	15.475.363.622
Số dư cuối năm	14.011.107.145

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	12.378.939.809
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	8.324.537.399
Khấu hao trong năm	411.004.849
Số dư cuối năm	8.735.542.248
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	4.054.402.410
Số dư cuối năm	3.643.397.561

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam (trước đây là Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam); và
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Phố Tô Hiệu, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam (trước đây là Số 43 Phố Tô Hiệu, Phường Năng Tĩnh, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam).

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	18.166.093.664	17.853.601.700
Tăng trong năm	4.646.775.280	978.232.705
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	1.047.447.706	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.924.451.100)	(190.740.741)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(475.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(71.882.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.266.784.063)	-
Xóa sổ	(47.299.476)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>19.549.900.011</b>	<b>18.166.093.664</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
San nền và giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Hòa Xá (*)	12.840.234.565	12.840.234.565
Dự án Nhà máy May Yên Bình (**)	5.013.367.135	5.013.367.135
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	1.340.298.311	312.491.964
Các công trình khác	356.000.000	-
<b></b>	<b>19.549.900.011</b>	<b>18.166.093.664</b>

(\*) Đây là chi phí thực hiện san nền và giải phóng mặt bằng lô đất số S1, S2 và một phần lô S3, S4, S5, S7 ở Khu Công nghiệp Hòa Xá, Phường Thành Nam, Tỉnh Ninh Bình (trước đây là Khu Công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định). Theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Bình (trước đây là Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định), Tổng Công ty phải thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty đang làm việc với Công ty mẹ về phương án di dời và Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Bình đã có Công văn đề nghị các bên liên quan phối hợp, tạo điều kiện cho Tổng Công ty thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá.

(\*\*) Đây là chi phí xây dựng Nhà máy May Yên Bình tại Xã Vũ Dương, Tỉnh Ninh Bình (trước đây là Xã Yên Bình, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định). Hiện nay, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Bình (trước đây là Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định) đã ban hành quyết định thu hồi khu đất và giao cho Ủy ban Nhân dân Xã Vũ Dương (trước đây là Ủy ban Nhân dân Huyện Ý Yên) thực hiện đấu giá khu đất và tài sản gắn liền trên đất. Tổng Công ty sẽ nhận được một phần khoản tiền thu được từ việc bán đấu giá này khi việc bán đấu giá được hoàn tất. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng, Ủy ban Nhân dân Xã Vũ Dương đang trong quá trình thực hiện việc đấu giá tài sản này theo quy định của pháp luật.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
Công cụ và dụng cụ	1.825.458.739	347.676.135
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.264.633.399	1.038.488.644
	<hr/>	<hr/>
	3.090.092.138	1.386.164.779
	<hr/>	<hr/>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>
Số dư đầu năm	8.554.217.282
Tăng do mua mới trong năm	8.825.137.180
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.331.542.107
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.266.784.063
Phân bổ trong năm	(6.831.822.913)
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(1.047.447.706)
	<hr/>
Số dư cuối năm	13.098.410.013
	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn và bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<b><i>Công ty mẹ</i></b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	138.509.283.107	4.763.853.764
<b><i>Công ty con</i></b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	3.812.808.228	3.280.351.759
Công ty TNHH MTV May 2 – Dệt May Nam Định	-	1.930.594.360
<b>Các bên khác</b>		
Công ty TNHH Hóa phẩm Thịnh Phát	7.800.210.400	6.740.472.640
Các nhà cung cấp khác	32.506.909.257	32.751.622.385
	<hr/>	<hr/>
	182.629.210.992	49.466.894.908

Khoản phải trả thương mại đối với bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025		Số phát sinh trong năm VND		Số đã nộp/bù trừ trong năm VND		31/12/2025	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	5.949.428	131.630.957.515	(131.609.437.182)	-	27.469.761	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	376.841.305	(376.841.305)	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.267.280	-	-	-	62.267.280	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.000.237	-	340.684.844	(294.535.706)	-	36.148.901	-	-
Thuế tài nguyên	-	14.003.058	146.527.930	(146.981.166)	-	13.549.822	-	-
Tiền thuê đất	-	-	9.835.651.897	(9.835.651.897)	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	252.425.325	(252.425.325)	-	-	-	-
	72.267.517	19.952.486	142.583.088.816	(142.515.872.581)	62.267.280	77.168.484		

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
Chi phí điện, nước phải trả	2.636.301.592	2.193.123.908
Chi phí lãi vay	1.646.355.266	1.273.832.740
Chi phí khác	950.046.563	-
	5.232.703.421	3.466.956.648

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
Cổ tức phải trả	1.477.905.250	1.483.905.250
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	333.599.733	496.342.548
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam	967.323.501	5.322.425.228
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	386.264.464	202.920.259
	3.165.092.948	7.505.593.285

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Vay và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2025		Biến động trong năm		31/12/2025	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND		Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	
			Giảm VND		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	449.100.202.783	866.371.428.970	(935.280.456.772)	4.012.593.538	384.203.768.519	
Vay dài hạn đến hạn trả	38.988.677.678	40.034.898.984	(46.067.535.734)	970.686.700	33.926.727.628	
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả	3.650.485.826	3.540.460.120	(3.681.948.201)	8.503.291	3.517.501.036	
	491.739.366.287	909.946.788.074	(985.029.940.707)	4.991.783.529	421.647.997.183	

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>Bên liên quan</b>				
Vay thành viên Ban Giám đốc	VND	7,2%	1.350.000.000	800.000.000
Vay bên liên quan khác	VND	7,2%	8.118.700.000	3.826.230.159
<b>Bên khác</b>				
Vay ngân hàng 1	USD	4,85%	107.131.051.990	86.135.073.705
Vay ngân hàng 2	VND	6,25 – 8,05%	59.676.270.679	78.599.983.791
Vay ngân hàng 3	USD	-	-	24.886.674.000
Vay ngân hàng 4	VND	6,51%	54.871.849.553	62.739.641.316
Vay ngân hàng 5	VND	6,2% - 7%	69.016.503.716	51.248.321.842
Vay ngân hàng 6	USD	-	-	7.939.979.127
Vay ngân hàng 7	USD	-	-	27.145.028.519
Vay ngân hàng 8	VND	6,24% - 6,79%	49.992.508.581	78.908.498.328
Vay ngân hàng 9	VND	7,9%	6.750.000.000	-
Vay nhân viên	VND	2,4% - 14,04%	27.296.884.000	26.870.771.996
			<b>384.203.768.519</b>	<b>449.100.202.783</b>

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 73.496 triệu VND (1/1/2025: 91.402 triệu VND) (Thuyết minh 10).

Các khoản vay khác không có tài sản đảm bảo.

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
Vay dài hạn (i)	251.692.495.186	291.959.427.455
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	7.849.772.861	11.520.794.020
	<b>259.542.268.047</b>	<b>303.480.221.475</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(37.444.228.664)	(42.639.163.504)
	<b>222.098.039.383</b>	<b>260.841.057.971</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>Bên liên quan</b>					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7%	2027	64.999.388.608	64.999.388.608
		SOFR +			
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	0,7%	2036	134.873.576.086	134.809.596.862
Công ty Cổ phần Dịch vụ					
Thương mại Dệt Nam Định (*)	VND	8,5%	2027	9.000.000.000	9.000.000.000
Vay bên liên quan khác (*)	VND	9,6%	2027	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Bên khác</b>					
Vay từ ngân hàng 10 (***)	USD	10,1%	2027	30.140.505.441	51.348.158.590
Vay từ ngân hàng 11 (***)	VND	8%-9,4%	2027	9.679.025.051	28.652.283.395
Vay nhân viên	VND	-		-	150.000.000
				<b>251.692.495.186</b>	<b>291.959.427.455</b>

(\*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(\*\*) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Khoản vay này, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 102.351 triệu VND (1/1/2025: 115.014 triệu VND) (Thuyết minh 10).

(\*\*\*) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 167.606 triệu VND (1/1/2025: 187.548 triệu VND) (Thuyết minh 10).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Các khoản nợ thuế tài chính**

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
		Nợ gốc VND		Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	3.991.132.782	473.631.746	3.517.501.036	777.198.465
Trong vòng hai đến năm năm	4.632.022.515	299.750.690	4.332.271.825	774.506.727
	8.623.155.297	773.382.436	7.849.772.861	1.551.705.192
			13.072.499.212	11.520.794.020

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	156.399.760.000	92.139.112.037	(119.200.284.525)	129.338.587.512
Lỗ thuần trong năm	-	-	(79.971.450.034)	(79.971.450.034)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025</b>	156.399.760.000	92.139.112.037	(199.171.734.559)	49.367.137.478
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	246.227.169	246.227.169
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	156.399.760.000	92.139.112.037	(198.925.507.390)	49.613.364.647

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	<b>31/12/2025 và 1/1/2025</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	15.639.976	156.399.760.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>31/12/2025 và 1/1/2025</b>	
		<b>Số lượng cổ phần</b>	<b>Vốn cổ phần VND</b>
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	53,67	8.394.655	83.946.550.000
Các cổ đông khác	46,33	7.245.321	72.453.210.000
	100,00	15.639.976	156.399.760.000

## 22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	43.250.425.167	45.201.572.167
	53.006.160.167	54.957.307.167

**(b) Ngoại tệ các loại**

		<b>31/12/2025</b>		<b>1/1/2025</b>
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	6.448	168.211.114	261.399	6.610.103.171
EUR	450	13.476.610	450	11.724.714
		263.968.258		6.621.827.885

**(c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	<b>Nguyên nhân xóa sổ</b>	<b>Năm xóa sổ</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
Công ty TNHH Kaisui – Dệt May	Dừng hoạt động	2024	38.141.390	38.141.390
Công ty TNHH Xuân Quyết	Dừng hoạt động	2024	39.376.277	39.376.277
Công ty TNHH Thương mại Đức Bồn	Dừng hoạt động	2024	82.768.508	82.768.508
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Dừng hoạt động	2024	2.883.059.365	2.883.059.365
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu và Thương mại Dịch vụ Xuân Hồng	Dừng hoạt động	2024	135.535.654	135.535.654
			3.178.881.194	3.178.881.194

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Bán hàng	871.330.352.923	1.125.104.232.620
Dịch vụ gia công	83.018.225.660	62.225.437.469
Cung cấp dịch vụ khác	33.946.928.165	30.826.277.129
Cho thuê bất động sản đầu tư	12.573.925.804	11.581.353.409
	<b>1.000.869.432.552</b>	<b>1.229.737.300.627</b>

**25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	844.453.544.313	1.148.571.139.504
Dịch vụ gia công	75.142.791.421	61.424.893.589
Dịch vụ đã cung ứng	27.787.812.401	20.761.383.916
Bất động sản đầu tư cho thuê	2.679.218.873	3.579.231.882
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.416.327.274)	(5.169.647.195)
	<b>942.647.039.734</b>	<b>1.229.167.001.696</b>

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi, trái phiếu và cho vay	926.297.576	1.561.684.302
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	5.105.957.077	4.590.697.094
Lãi do người mua chậm trả	3.159.260.241	3.907.116.049
Cổ tức được chia	12.139.436.000	5.415.168.000
Khoản hỗ trợ nhận được từ công ty liên kết	-	712.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.981.099.063	15.643.552.352
	<b>31.312.049.957</b>	<b>31.830.717.797</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	43.183.734.889	57.155.805.726
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.507.903.558	9.698.284.457
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.816.579.982	12.261.541.190
	<hr/>	<hr/>
	58.508.218.429	79.115.631.373
	<hr/>	<hr/>

**28. Chi phí bán hàng**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Chi phí lương nhân viên	735.077.978	3.158.744.136
Chi phí vận chuyển	1.790.360.670	5.329.567.998
Chi phí đại lý bán hàng	3.388.083.994	1.516.761.992
Chi phí xuất khẩu	3.002.321.200	2.226.757.082
Chi phí bán hàng khác	913.139.559	1.923.643.226
	<hr/>	<hr/>
	9.828.983.401	14.155.474.434
	<hr/>	<hr/>

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Chi phí lương nhân viên	6.934.863.778	9.544.320.645
Dự phòng phải thu khó đòi	230.780.728	25.660.262
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.639.834.797	3.217.513.691
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.259.416.113	12.196.963.284
	<hr/>	<hr/>
	22.064.895.416	24.984.457.882
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Thu nhập khác**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Thu nhập do bán hộ bông ướt	1.029.747.868	-
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	5.130.563.452
Các khoản khác	230.223.049	1.054.676.834
	<b>1.259.970.917</b>	<b>6.185.240.286</b>

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	455.191.251.767	483.542.615.316
Chi phí nhân công	76.246.562.857	79.117.153.212
Chi phí khấu hao và phân bổ	52.117.922.460	55.177.576.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.746.032.213	152.170.867.504
Chi phí khác	36.242.680.994	32.499.720.733
	<b>786.544.450.291</b>	<b>802.507.933.564</b>

**32. Thuế thu nhập**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	246.227.169	(79.971.450.034)
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	49.245.434	(15.994.290.007)
Chi phí không được khấu trừ thuế	77.623.918	949.224.972
Thu nhập không bị tính thuế	(2.427.887.200)	(1.083.033.600)
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	2.774.192.246	9.547.049.625
Lỗ tính thuế được sử dụng	(473.174.398)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	6.581.049.010
	<b>-</b>	<b>-</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>31/12/2025</b>		<b>1/1/2025</b>	
	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị thuế VND</b>	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị thuế VND</b>
Chênh lệch tạm thời	66.586.636.838	13.317.327.368	70.960.865.643	14.192.173.129
Lỗi tính thuế	105.314.375.679	21.062.875.136	107.680.247.669	21.536.049.534
	171.901.012.517	34.380.202.504	178.641.113.312	35.728.222.663

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Tình hình quyết toán</b>	<b>Số lỗi được khấu trừ VND</b>
2028	Chưa quyết toán	72.409.130.629
2029	Chưa quyết toán	32.905.245.050
		105.314.375.679

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Số chi phí lãi vay được khấu trừ trong năm sau VND</b>
2027	4.980.427.481
2029	47.735.248.127
2030	13.870.961.230
	66.586.636.838

Chi phí lãi vay trị giá 18.245 triệu VND đã hết hiệu lực trong năm.

Ngoại trừ khoản chi phí lãi vay và lỗi tính thuế sẽ được khấu trừ trong những năm xác định nêu trên, theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ – Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.250.247.589	46.931.903.710
Mua hàng hóa và dịch vụ	229.382.789.681	51.765.789.935
Hoàn trả gốc vay từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	4.258.461.610	3.758.855.832
Chi phí lãi vay	4.427.135.260	4.562.422.832
Lãi vay phát sinh trên khoản cho vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	8.464.395.497	9.632.143.315
Chi phí thuê máy chải	1.589.453.328	-
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	43.527.276	44.059.776
Mua dịch vụ	9.810.363.276	8.392.614.474
Cổ tức	482.154.000	-
Chi phí lãi vay	797.875.000	869.250.000
<b>Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định</b>		
Cổ tức	800.000.000	350.000.000
Mua hàng hóa	1.225.000,00	-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.124.481.237	6.991.700.304
<b>Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	39.320.068.114	27.555.862.879
Mua hàng hóa	15.199.770.788	10.591.138.040
Thu nhập khác (rác thải công nghiệp)	23.680.000	12.600.000
Thu nhập lãi trả chậm	230.392.457	429.575.037
Cổ tức	901.200.000	-
<b>Công ty TNHH MTV May 2 – Dệt May Nam Định</b>		
Thu nhập lãi trả chậm	1.165.945.957	539.135.286
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.101.675.916	1.296.111.084
Thu nhập lãi vay	13.112.580	7.276.451
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	6.293.642.054
Bán tài sản cố định	-	17.309.063.842
Góp vốn	-	8.000.000.000
Cho vay	-	200.000.000
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.118.640.975	4.854.436.594
Cổ tức	370.500.000	-
Mua hàng hóa	-	3.035.299.000

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.636.920.000	-
Cổ tức	7.597.752.000	5.065.168.000
Nhận hỗ trợ	-	712.500.000
<b><i>Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	248.917.173.678	423.086.909.496
Mua hàng hóa	195.512.330.160	362.537.260.444
Cổ tức	1.792.830.000	-
Thu nhập lãi trả chậm	1.762.921.827	2.928.378.988
Thu nhập khác (rác thải công nghiệp)	35.150.000	22.750.000
<b><i>Bên liên quan khác</i></b>		
<b><i>Công ty Cổ phần May 1 – Dệt May Nam Định</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	45.730.048	7.470.470.048
Mua hàng hóa	132.640.000	8.053.776.000
Cổ tức	112.500.000	-
<b><i>Công ty Cổ phần May 5 – Dệt May Nam Định</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.492.660.611	1.387.457.232
Cổ tức	82.500.000	-
<b><i>Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8-3</i></b>		
<b><i>– Công ty con trong cùng Tập đoàn</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	97.195.275	7.508.847.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	14.336.818.416	8.324.915.137
Thuê tài sản	-	93.333.334
<b><i>Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân – Công ty con cùng Tập đoàn</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	14.094.042.270	-
<b><i>Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương</i></b>		
<b><i>– Công ty con cùng Tập đoàn</i></b>		
Mua máy móc, thiết bị	510.477.786	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	312.090.600	-
<b><i>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</i></b>		
<b><i>– Công ty con cùng Tập đoàn</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	615.158.961	-
<b><i>Tổng Công ty cổ phần dệt may Hòa Thọ</i></b>		
<b><i>– Công ty con cùng Tập đoàn</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.081.867.118	-
<b><i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội</i></b>		
<b><i>– Công ty con cùng Tập đoàn</i></b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	14.125.000	-

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Công Ty Cổ phần Dệt Hà Đông HANOSIMEX –</i></b> <b><i>Công ty con cùng Tập đoàn</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	22.805.250	-
<b><i>Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh</i></b> <b><i>– Công ty con cùng Tập đoàn</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	122.210.332	-
<b><i>Ông Vũ Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc</i></b>		
Hoàn trả khoản vay	150.000.000	2.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	180.186.301
<b><i>Bà Nguyễn Thị Khánh – Phó Tổng Giám đốc</i></b>		
Tiền thu từ bán cổ phần của một công ty liên kết	-	3.507.600.000
<b><i>Ông Vũ Ngọc Tú – Giám đốc Vận hành</i></b>		
Nhận tiền vay	1.350.000.000	800.000.000
Hoàn trả khoản vay	800.000.000	-
Chi phí lãi vay	93.249.836	12.664.110
<b><i>Bà Trần Thị Chi Mai – cá nhân là bên liên quan</i></b>		
Nhận tiền vay	-	1.500.000.000
Chi phí lãi vay	288.000.000	218.856.986
<b><i>Ông Vũ Mạnh Quân – cá nhân là bên liên quan</i></b>		
Nhận tiền vay	8.025.700.000	2.440.000.000
Hoàn trả khoản vay	3.640.000.000	100.000.000
Chi phí lãi vay	385.853.458	55.852.274
<b><i>Bà Trần Thị Đào – cá nhân là bên liên quan</i></b>		
Nhận tiền vay	1.350.000.000	660.000.000
Hoàn trả khoản vay	1.260.000.000	250.000.000
Chi phí lãi vay	86.328.986	19.765.479
<b><i>Bà Trần Thị Gái – cá nhân là bên liên quan</i></b>		
Nhận tiền vay	105.000.000	40.000.000
Hoàn trả khoản vay	65.000.000	356.000.000
Chi phí lãi vay	5.597.918	737.753
<b><i>Bà Nguyễn Hải Hà – cá nhân là bên liên quan</i></b>		
Nhận tiền vay	330.000.000	130.000.000
Hoàn trả khoản vay	270.000.000	118.000.000
Chi phí lãi vay	19.203.288	5.829.041
<b><i>Bà Hoàng Thị Tuệ – cá nhân là bên liên quan</i></b>		
Nhận tiền vay	110.000.000	110.000.000
Hoàn trả khoản vay	220.000.000	110.000.000
Chi phí lãi vay	10.480.438	4.795.397

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ông Đoàn Anh Đức – cá nhân là bên liên quan</b>		
Nhận tiền vay	30.000.000	20.000.000
Hoàn trả khoản vay	20.000.000	20.000.000
Chi phí lãi vay	1.934.466	1.440.000
<b>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt</b>		
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch	84.000.000	84.000.000
Ông Nguyễn Văn Miêng – Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh – Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Phạm Xuân Trinh – Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Thành viên	60.000.000	60.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc	461.718.178	440.682.275
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc	370.653.551	353.549.657
Bà Bùi Minh Hạnh – Giám đốc Điều hành	328.177.089	311.791.955
Ông Phạm Ngọc Kỳ – Giám đốc Điều hành	303.649.065	-
Ông Vũ Ngọc Tú – Giám đốc Vận hành	153.942.000	-
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Bà Trần Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Ông Đoàn Văn Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	36.000.000

**34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi nhập gốc	144.405.852	312.000.438
Lãi vay nhập gốc	-	1.419.884.250

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**35. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.


**30 -03- 2026**

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Oanh  
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:

  
Đinh Thị Thu Hường  
Kế toán trưởng  
Vũ Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc